



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 29



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Số: 282 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/08/2015, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính của các công ty con là Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa, Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức, Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific, Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, Công ty Cổ phần Công trình Viettronics và Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp chưa được soát xét. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific, Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa và Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức do Tổng Công ty không nhận được báo cáo của các công ty con của ba công ty trên. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của các Công ty này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả ở mục nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1450-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN  
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>875.084.330.681</b>	<b>937.422.743.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>224.760.527.411</b>	<b>277.553.507.031</b>
1. Tiền	111		86.046.797.799	48.522.612.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		138.713.729.612	229.030.894.438
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>110.702.467.845</b>	<b>61.830.644.250</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(8.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.415.071.595	61.551.248.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>342.959.027.916</b>	<b>389.116.144.010</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	209.380.883.330	263.622.902.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	81.510.681.080	94.858.301.708
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	78.524.202.236	56.332.453.208
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.456.738.730)	(25.697.513.536)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>185.428.931.223</b>	<b>198.182.312.635</b>
1. Hàng tồn kho	141		187.970.466.995	202.652.349.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.541.535.772)	(4.470.036.497)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.233.376.286</b>	<b>10.740.135.828</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.313.035.700	2.135.741.908
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.415.496.353	7.175.779.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.504.844.233	1.428.614.114
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>334.482.765.604</b>	<b>328.822.046.447</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.451.790.961</b>	<b>462.489.294</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	8.330.535.680	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.121.255.281	462.489.294
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>130.527.716.164</b>	<b>141.853.229.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		82.582.776.592	93.541.360.726
- Nguyên giá	222		189.786.700.893	202.701.159.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.203.924.301)	(109.159.798.639)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	47.944.939.572	48.311.868.371
- Nguyên giá	228		53.067.147.331	53.078.347.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.122.207.759)	(4.766.478.960)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>11.175.375.561</b>	<b>11.753.618.713</b>
- Nguyên giá	231		35.891.080.307	35.891.080.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.715.704.746)	(24.137.461.594)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>28.716.723.925</b>	<b>26.198.614.897</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.716.723.925	26.198.614.897
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>122.803.301.247</b>	<b>119.206.970.863</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		93.668.453.958	36.687.275.412
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	40.275.495.137	54.451.320.588
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	45.852.790.000	45.852.790.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(56.993.437.848)	(17.784.415.137)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.409.184.878</b>	<b>22.867.576.842</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.628.839.454	13.297.894.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.770.345.424	9.569.682.801
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
<b>VII. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>5.398.672.868</b>	<b>6.479.546.741</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.209.567.096.285</b>	<b>1.266.244.790.201</b>


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>453.011.972.434</b>	<b>398.395.227.483</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>440.454.246.726</b>	<b>386.571.063.057</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	133.260.924.675	100.321.198.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.530.845.117	47.449.455.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		13.755.790.074	21.627.164.405
4. Phải trả người lao động	314		5.335.427.195	6.157.464.244
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.191.054.936	11.665.381.081
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		666.424.905	1.273.712.841
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	166.915.932.373	95.429.534.786
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	58.243.544.773	93.882.814.107
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.008.312.020	4.372.574.208
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.545.990.658	4.391.763.623
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.557.725.708</b>	<b>11.824.164.426</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	3.019.458.091	2.898.112.500
2. Phải trả dài hạn khác	337		7.804.806.304	7.181.507.501
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		550.541.610	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		738.375.278	1.300.000.000
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		444.544.425	444.544.425
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410+430)	<b>400</b>		<b>756.555.123.851</b>	<b>867.849.562.718</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>740.339.982.445</b>	<b>849.121.874.195</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(14.607.244.674)	(14.522.301.419)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.603.077.555	50.567.019.547
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.384.363.643	155.972.271.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		83.531.434.990	163.324.071.147
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.147.071.347)	(7.351.799.573)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		181.933.166.216	219.078.264.788
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>16.215.141.406</b>	<b>18.727.688.523</b>
1. Nguồn kinh phí	431		16.215.141.406	18.727.688.523
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.209.567.096.285</b>	<b>1.266.244.790.201</b>

  
**Vũ Văn Tuấn**  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015


  
**Nguyễn Trung Dũng**  
Kế toán trưởng


  
**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MẪU SỐ B 02a-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		284.771.106.591	304.034.870.532
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.818.499.941	1.921.271.702
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	21	281.952.606.650	302.113.598.830
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	234.687.828.451	255.452.151.957
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		47.264.778.199	46.661.446.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	14.176.251.090	23.059.854.487
7. Chi phí tài chính	22	24	1.868.275.706	6.134.784.457
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		776.206.891	4.888.401.566
8. Chi phí bán hàng	25		27.385.464.224	21.940.007.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		38.412.947.246	34.400.062.765
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(6.225.657.887)	7.246.446.910
11. Thu nhập khác	31		1.722.425.618	43.488.077.137
12. Chi phí khác	32		526.565.567	818.429.904
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.195.860.051	42.669.647.233
14. Lãi của Công ty liên kết	24		-	1.283.740.363
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.029.797.836)	51.199.834.506
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		726.761.901	10.693.288.234
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		349.878.986	55.700.260
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(6.106.438.723)	40.450.846.012
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(1.959.367.376)	16.686.071.538
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			(4.147.071.347)	23.764.774.474
19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	25	(95)	543

  
**Vũ Văn Tuấn**  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

  
**Nguyễn Trung Dũng**  
Kê toán trưởng




  
**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	400.555.878.536	344.019.377.244
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(268.445.712.094)	(231.875.371.864)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.062.243.562)	(38.653.168.802)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.970.866.530)	(5.850.651.857)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.612.674.767)	(11.403.332.276)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.714.419.187	114.177.069.232
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(77.949.204.514)	(190.071.385.556)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>40.229.596.256</b>	<b>(19.657.463.879)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.412.920.209)	(90.458.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	(191.798)	670.442.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(219.420.000.000)	(57.364.826.129)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	176.670.000.000	62.984.366.958
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(81.570.282.988)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	96.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.213.579.700	18.620.021.477
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(34.949.532.307)</b>	<b>39.649.263.273</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	5.142.531.132
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(882.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	67.181.445.911	81.662.519.142
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.382.315.246)	(120.670.368.795)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.162.787.345)	(6.907.213.645)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(57.363.656.680)</b>	<b>(41.654.532.166)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(52.083.592.731)</b>	<b>(21.662.732.772)</b>
<b>Điều chỉnh do hợp nhất (i)</b>		<b>(711.023.731)</b>	<b>(586.858.156)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>277.553.507.031</b>	<b>170.436.341.570</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.636.842	(179.089.837)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>224.760.527.411</b>	<b>148.007.660.805</b>

Ghi chú: (i) Điều chỉnh là do Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất này được lập trên cơ sở báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa và Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức, trong khi số liệu đầu kỳ tương ứng được lấy trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2015 của hai công ty này.

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng



  
Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09a –DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch Vietnam Electronics and Infomatics Joint Stock Corporation, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116 QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

**Danh sách cổ đông sáng lập****Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

	<b>Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>		
	<b>VND</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	<b>438.000.000.000</b>	<b>43.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở hoạt động theo đăng ký kinh doanh tại số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2015 là 138 người (tại ngày 01/01/2015 là 149 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;
- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử và tin học;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

**Các công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm:**

Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa  
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức  
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa  
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific  
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình  
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa  
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics  
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

**Các công ty liên kết trình bày theo giá gốc**

Công ty Cổ phần Viettronimex  
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa  
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam  
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam  
Công ty Cổ phần Giồng tầm Mai Lĩnh  
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics  
Công ty TNHH Panasonic AVC Việt Nam

**Công ty liên doanh trình bày theo giá gốc**

Công ty Liên doanh điện tử Y tế kỹ thuật cao Amec.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Bất lợi thế thương mại**

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán-hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Thiết bị quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3 đến 5 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm đến 50 năm.

Tại ngày 30/06/2015 chưa có cơ sở để Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.674.816.519	2.687.405.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.371.981.280	45.835.207.249
Các khoản tương đương tiền	138.713.729.612	229.030.894.438
<b>Cộng</b>	<b><u>224.760.527.411</u></b>	<b><u>277.553.507.031</u></b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b><u>287.396.250</u></b>	<b><u>287.396.250</u></b>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	287.396.250	287.396.250
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b><u>110.415.071.595</u></b>	<b><u>61.543.248.000</u></b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	100.608.248.000	57.493.248.000
- Các khoản cho vay	9.806.823.595	4.058.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>(8.000.000)</b>
	<b><u>110.702.467.845</u></b>	<b><u>61.830.644.250</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại:</i></b>	<b><i>209.380.883.330</i></b>	<b><i>263.622.902.630</i></b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	9.751.339.006	9.839.587.872
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	16.253.416.003	13.520.258.259
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.196.415.060	6.460.063.910
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	15.830.743.688	13.090.659.203
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	45.342.644.821	42.267.029.214
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	13.470.205.233	17.132.787.983
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	17.728.217.558	30.092.704.960
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	25.858.672.623	3.914.177.185
Công ty mẹ - TCT Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	58.949.229.338	127.305.634.044
<b>Cộng</b>	<b><u>209.380.883.330</u></b>	<b><u>263.622.902.630</u></b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b><i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn tại:</i></b>	<b><i>81.510.681.080</i></b>	<b><i>94.858.301.708</i></b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	988.712.033	1.457.945.412
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	387.403.338	1.597.648.479
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	4.770.029.600	5.891.142.850
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	42.192.325.025	45.453.998.276
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	3.766.540.539	16.144.366.016
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	3.490.884.786	3.214.505.031
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.973.992.507	3.598.745.418
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	6.049.659.870	9.068.999.246
Công ty mẹ - TCT Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	15.891.133.382	8.430.950.980
<b><i>b. Trả trước cho người bán dài hạn tại:</i></b>	<b><i>8.330.535.680</i></b>	<b><i>-</i></b>
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	8.330.535.680	-
<b>Cộng</b>	<b><u>89.841.216.760</u></b>	<b><u>94.858.301.708</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn khác:</b>	<b>78.524.202.236</b>	<b>56.332.453.208</b>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	39.280.959	10.859.000
Phải thu về cổ phần hóa	1.165.274.174	1.165.274.174
Cục Cảnh sát biển	-	3.631.748.654
Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	2.694.230.000
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
Phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.502.658.918	1.502.658.918
Tạm ứng	15.145.188.704	23.641.805.434
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	567.696.671	2.020.907.367
Phải thu khác	41.497.405.457	17.169.968.416
<i>Phải thu ngắn hạn khác tại:</i>	<i>13.804.469.780</i>	<i>2.387.003.672</i>
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.887.033.924	731.715.774
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.483.239.074	1.129.762.404
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.434.196.782	525.525.494
<b>b. Phải thu khác dài hạn tại:</b>	<b>4.121.255.281</b>	<b>462.489.294</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	3.658.140.004	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	266.287.277	249.358.099
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	15.500.000	15.500.000
Công ty mẹ - TCT Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	131.328.000	197.631.195
<b>Cộng</b>	<b>82.645.457.517</b>	<b>56.794.942.502</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.540.663.945
Nguyên liệu, vật liệu	26.066.881.770	36.068.292.998
Công cụ, dụng cụ	220.760.533	177.488.937
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.536.452.623	35.259.573.925
Thành phẩm	61.273.261.518	51.379.620.477
Hàng hóa	63.966.835.224	71.002.974.923
Hàng gửi bán	-	7.223.733.927
Hàng hóa kho bảo thuế	1.906.275.327	-
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>187.970.466.995</b>	<b>202.652.349.132</b>
Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	(2.541.535.772)	(4.470.036.497)
<b>Cộng</b>	<b>185.428.931.223</b>	<b>198.182.312.635</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>22.670.116.365</b>	<b>21.018.449.640</b>
Thuê nhà văn phòng làm việc tòa nhà HH3	4.247.161.624	4.379.222.228
Công cụ dụng cụ	112.994.464	155.283.761
Chi phí cho giai đoạn tiền hoạt động của Asamled	-	698.012.551
Chi phí trả trước dài hạn khác	227.406.455	344.819.902
<b>b. Chi phí trả trước tại:</b>	<b>9.041.276.911</b>	<b>7.720.555.599</b>
Công ty mẹ - TCT Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	1.169.475.734	1.172.557.813
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.457.158.812	6.271.637.786
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	1.414.642.365	276.360.000
	<b>13.628.839.454</b>	<b>13.297.894.041</b>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	51.215.752.144	1.862.595.187	53.078.347.331
Giảm khác	-	(11.200.000)	(11.200.000)
Tại ngày 30/06/2015	51.215.752.144	1.851.395.187	53.067.147.331
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	3.267.092.693	1.499.386.267	4.766.478.960
Khấu hao trong năm	304.500.276	62.428.523	366.928.799
Giảm khác	-	(11.200.000)	(11.200.000)
Tại ngày 30/06/2015	3.571.592.969	1.550.614.790	5.122.207.759
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	47.948.659.451	363.208.920	48.311.868.371
Tại ngày 30/06/2015	47.644.159.175	300.780.397	47.944.939.572

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	3.811.392.900	19.368.137.763	12.711.549.644	35.891.080.307
Số dư tại 30/06/2015	3.811.392.900	19.368.137.763	12.711.549.644	35.891.080.307
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	1.522.392.884	12.994.475.170	9.620.593.540	24.137.461.594
Trích khấu hao trong năm	29.408.994	179.025.862	369.808.296	578.243.152
Số dư tại 30/06/2015	1.551.801.878	13.173.501.032	9.990.401.836	24.715.704.746
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2015	2.289.000.016	6.373.662.593	3.090.956.104	11.753.618.713
Số dư tại 30/06/2015	2.259.591.022	6.194.636.731	2.721.147.808	11.175.375.561

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN****14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>28.716.723.925</b>	<b>28.716.723.925</b>	<b>26.198.614.897</b>	<b>26.198.614.897</b>
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
Dự án Điện tim	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554
Dự án 21 Đông Các	1.220.277.685	1.220.277.685	1.111.186.776	1.111.186.776
Sàn 11 MIPEC	1.606.311.527	1.606.311.527	-	-
Dự án Xây dựng cao ốc văn phòng số 06 PVHai	1.916.144.227	1.916.144.227	1.916.144.227	1.916.144.227
Dự án Xây dựng Cát Lái	1.668.765.818	1.668.765.818	1.606.038.545	1.606.038.545
Xây dựng nhà kho	-	-	548.083.100	548.083.100
Chi phí xây dựng nhà 7 tầng	259.222.818	259.222.818	259.222.818	259.222.818
Các công trình khác	2.509.885.114	2.509.885.114	1.221.822.695	1.221.822.695
	<b>28.716.723.925</b>	<b>28.716.723.925</b>	<b>26.198.614.897</b>	<b>26.198.614.897</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>				
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông VN	2.142.000	38.998.900.000	-	38.488.900.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	108.689	21.420.000.000	2.142.000	21.420.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	20.665	10.868.900.000	108.689	10.868.900.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	180.000	2.066.500.000	20.665	2.066.500.000
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	-	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	8.555	1.178.000.000	-	1.178.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	30.000	855.500.000	8.555	855.500.000
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức 1		300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh		510.000.000		-
<i>Góp vốn liên doanh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
<b>Cộng giá gốc</b>		<b>40.275.495.137</b>		<b>39.765.495.137</b>
Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh				14.685.825.451
<b>Tổng cộng</b>		<b>40.275.495.137</b>		<b>54.451.320.588</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a –DN/HN****15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (TIẾP THEO)**

Thông tin của các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b><i>Đầu tư vào công ty liên kết</i></b>			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%
Công ty CP TM DV Bình Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
<b><i>Góp vốn liên doanh</i></b>			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>45.852.790.000</b>		<b>45.852.790.000</b>
Đầu tư cổ phần vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	1.498.680	29.621.270.000	1.498.680	29.621.270.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	1.048.000	10.480.000.000	1.048.000	10.480.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Đầu tư cổ phần vào Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	29.402	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	-	840.520.000	-	546.500.000
<b>Cộng</b>		<b>45.852.790.000</b>		<b>45.852.790.000</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÀU SỐ B 09a – DN/HN**

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP THEO)**

Thông tin của các công ty góp vốn khác tại ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	12,44%	12,44%
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6,55%	6,55%

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

**Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Viettronics Đông Đa			
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức			
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific			
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình			
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa			
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics			
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp			
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học VN			

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	<b>133.260.924.675</b>	<b>133.260.924.675</b>	<b>100.321.198.170</b>	<b>100.321.198.170</b>
	2.511.754.665	2.511.754.665	3.684.448.063	3.684.448.063
	141.629.751	141.629.751	1.069.766.663	1.069.766.663
	886.428.456	886.428.456	1.773.738.669	1.773.738.669
	13.981.873.129	13.981.873.129	16.335.229.139	16.335.229.139
	24.937.206.004	24.937.206.004	11.953.246.132	11.953.246.132
	4.475.211.200	4.475.211.200	2.298.905.590	2.298.905.590
	11.008.054.132	11.008.054.132	16.608.915.494	16.608.915.494
	10.600.332.574	10.600.332.574	10.144.546.445	10.144.546.445
	64.718.434.764	64.718.434.764	36.452.401.975	36.452.401.975
	<b>133.260.924.675</b>	<b>133.260.924.675</b>	<b>100.321.198.170</b>	<b>100.321.198.170</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>166.915.932.373</b>	<b>95.429.534.786</b>
Kinh phí Công đoàn	216.450.133	119.377.079
Các loại bảo hiểm trích theo lương	359.847.214	620.113.994
Phải trả các cổ đông	-	28.535.870
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	6.409.316.550
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.815.005.319	5.422.835.849
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	11.901.942.954	20.352.613.860
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.034.690.862	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.533.276.605	10.073.017.035
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác tại:</b>	<b>53.752.319.286</b>	<b>51.101.324.549</b>
Công ty CP Viettronicsc Công nghiệp	6.295.702.339	201.511.304
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	15.027.524.869	15.216.957.440
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	1.225.561.690	843.797.983
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	31.203.530.388	34.839.057.822
<b>Cộng</b>	<b><u>166.915.932.373</u></b>	<b><u>95.429.534.786</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**MẪU SỐ B 09a – DN/HN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn tại:</b>	<b>58.243.544.773</b>	<b>23.146.598.847</b>	<b>93.882.814.107</b>	<b>93.882.814.107</b>
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	4.113.804.051	4.113.804.051	48.161.814.107	48.161.814.107
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	13.732.794.796	13.732.794.796	-	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.300.000.000	5.300.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.753.398.151	2.753.398.151	5.145.000.000	5.145.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	10.541.600.000	10.541.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	17.387.000.000	17.387.000.000	16.676.000.000	16.676.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.414.947.775	4.414.947.775	-	-
	<b>58.243.544.773</b>	<b>23.146.598.847</b>	<b>93.882.814.107</b>	<b>93.882.814.107</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	1.611.254.000	1.767.842.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	1.153.070.000	950.995.500
Doanh thu khác	255.134.091	179.275.000
	<u><b>3.019.458.091</b></u>	<u><b>2.898.112.500</b></u>

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>284.771.106.591</b>	<b>304.034.870.532</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	227.811.023.576	275.729.863.467
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.724.979.566	13.756.325.331
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	5.285.555.524
Doanh thu hoạt động xây dựng	42.124.774.350	9.164.612.809
Doanh thu bán vật tư	98.705.160	82.177.121
Doanh thu bán phế liệu	11.623.939	16.336.280
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.818.499.941)</b>	<b>(1.921.271.702)</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	(1.902.739.182)	-
- Hàng bán bị trả lại	(400.019.759)	(1.921.271.702)
- Giảm giá hàng bán	(515.741.000)	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>281.952.606.650</b>	<b>302.113.598.830</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	189.087.594.156	241.970.277.402
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.484.393.350	4.123.674.395
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	1.021.413.433
Giá vốn hoạt động xây dựng	41.055.442.761	8.423.688.479
Giá vốn bán vật tư	63.713.184	55.204.076
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.	(3.315.000)	(142.105.828)
<b>Cộng</b>	<b>234.687.828.451</b>	<b>255.452.151.957</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.174.454.042	18.403.263.524
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.582.500.892	1.652.888.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	388.371.597	308.388.994
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.924.559	2.695.313.769
<b>Cộng</b>	<b>14.176.251.090</b>	<b>23.059.854.487</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	776.206.891	4.888.401.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	259.469.677	50.937.179
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	654.210.135	-
Chi phí tài chính khác	178.389.003	1.195.445.712
<b>Cộng</b>	<b>1.868.275.706</b>	<b>6.134.784.457</b>

**25. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.147.071.347)</b>	<b>23.764.774.474</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.800.000	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(95)</b>	<b>543</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	58.243.544.773	93.882.814.107
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(224.760.527.411)	(277.553.507.031)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	740.339.982.445	849.121.874.195
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.760.527.411	277.553.507.031	224.760.527.411	277.553.507.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.569.602.117	294.720.331.596	265.569.602.117	294.720.331.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.702.467.845	61.830.644.250	110.702.467.845	61.830.644.250
Đầu tư tài chính dài hạn	45.852.790.000	45.852.790.000	45.852.790.000	45.852.790.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>646.885.387.373</b>	<b>679.957.272.877</b>	<b>646.885.387.373</b>	<b>679.957.272.877</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	58.243.544.773	93.882.814.107	58.243.544.773	93.882.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	307.981.663.352	202.932.240.457	307.981.663.352	202.932.240.457
Chi phí phải trả	7.191.054.936	11.665.381.081	7.191.054.936	11.665.381.081
<b>Tổng cộng</b>	<b>373.416.263.061</b>	<b>308.480.435.645</b>	<b>373.416.263.061</b>	<b>308.480.435.645</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ các công cụ đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.760.527.411	-	224.760.527.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.569.602.117	-	265.569.602.117
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.702.467.845	-	110.702.467.845
Đầu tư tài chính dài hạn	-	45.852.790.000	45.852.790.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>601.032.597.373</b>	<b>45.852.790.000</b>	<b>646.885.387.373</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	58.243.544.773	-	58.243.544.773
Phải trả người bán và phải trả khác	300.176.857.048	7.804.806.304	307.981.663.352
Chi phí phải trả	7.191.054.936	-	7.191.054.936
<b>Tổng cộng</b>	<b>365.611.456.757</b>	<b>7.804.806.304</b>	<b>373.416.263.061</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>235.421.140.616</b>	<b>38.047.983.696</b>	<b>273.469.124.312</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	277.553.507.031	-	277.553.507.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	294.720.331.596	-	294.720.331.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.830.644.250	-	61.830.644.250
Đầu tư tài chính dài hạn	-	45.852.790.000	45.852.790.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>634.104.482.877</b>	<b>45.852.790.000</b>	<b>679.957.272.877</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	93.882.814.107	-	93.882.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	195.750.732.956	7.181.507.501	202.932.240.457
Chi phí phải trả	11.665.381.081	-	11.665.381.081
<b>Tổng cộng</b>	<b>301.298.928.144</b>	<b>7.181.507.501</b>	<b>308.480.435.645</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>332.805.554.733</b>	<b>38.671.282.499</b>	<b>371.476.837.232</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	VND	
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	382.000.000	
	<b>382.000.000</b>	

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	VND	
Chuyển tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	8.541.537.664	

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	11.811.076.196	20.352.613.860


**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Tổng Công ty.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty đã được soát xét và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu cùng kỳ năm trước (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014) đã được soát xét và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT.

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
		VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	61.551.248.000	61.551.248.000
Đầu tư ngắn hạn	61.838.644.250	(61.838.644.250)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	287.396.250	287.396.250
Phải thu ngắn hạn khác	30.669.740.407	25.662.712.801	56.332.453.208
Tài sản ngắn hạn khác	25.662.712.801	(25.662.712.801)	-
Quỹ đầu tư phát triển	31.672.230.648	18.894.788.899	50.567.019.547
Quỹ dự phòng tài chính	18.894.788.899	(18.894.788.899)	-

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kê toán trưởng

  
Châu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

